

Số: /ĐA-UBND

Quỳ Châu, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

Sắp xếp thôn, bản trên địa bàn xã Quỳ Châu năm 2026

Phần thứ I:

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Quỳ Châu là một xã miền núi nằm ở phía Tây của tỉnh Nghệ An, xã được thành lập theo Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025. Xã Quỳ Châu được sáp nhập từ 04 xã, thị trấn cũ (*xã Châu Hạnh, xã Châu Hội, xã Châu Nga và thị trấn Tân Lạc thuộc huyện Quỳ Châu cũ, tỉnh Nghệ An*). Hiện nay, xã Quỳ Châu có diện tích tự nhiên: 32.747,9 ha, bao gồm 30 thôn, bản với 5385 hộ, 22.950 khẩu.

Trong những năm qua, hoạt động của thôn, bản trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả tích cực, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội cấp trên được triển khai thực hiện kịp thời, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả, góp phần phát triển sản xuất, xây dựng và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của địa phương; phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, kết quả đã đạt được, công tác tổ chức, hoạt động của thôn, bản còn nhiều tồn tại, bất cập; quy mô thôn, bản nhỏ, manh mún, chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, làm phát sinh tổ chức, tăng đầu mối quản lý, tăng số lượng người hoạt động không chuyên trách, gây áp lực chi ngân sách địa phương và khối lượng công việc cho chính quyền địa phương trong quản lý, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Chi bộ, Chi hội, Đoàn thể và khó khăn trong việc huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trọng tâm, trọng điểm.

Việc sắp xếp lại thôn, bản là cần thiết nhằm tinh gọn tổ chức ở khu dân cư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở; giảm đầu mối, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, góp phần tiết kiệm ngân sách nhà nước và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Bên cạnh đó, việc sắp xếp còn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quy hoạch, đầu tư xây

dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tập trung đầu tư, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Đồng thời, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Đối với các địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc sắp xếp thôn, bản còn giúp khắc phục tình trạng chia cắt dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các dịch vụ công, chính sách an sinh xã hội, giáo dục, y tế và các chương trình hỗ trợ của Nhà nước.

Việc sắp xếp lại thôn, bản đồng thời để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, phấn đấu mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15;

Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (*sau đây gọi là Nghị định 185*);

Căn cứ Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*sau đây gọi là Kết luận 34*);

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*sau đây gọi là Chỉ thị 21*);

Căn cứ Công văn số 5620/UBND-TH ngày 22/5/2026 của UBND tỉnh về việc khẩn trương triển khai các nhiệm vụ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Phương án số 488/PA-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về phương án tổng thể sắp xếp khối, xóm, thôn, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Phần thứ II:

NGUYÊN TẮC, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

I. VỀ NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

- Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, bản chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

- Sắp xếp, tổ chức lại thôn, bản được xem xét trên các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

- Việc đặt tên thôn, bản được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập sắp xếp lại thôn, bản trên cơ sở xem, xét nguyện vọng của Nhân dân.

II. QUAN ĐIỂM

- Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và quản lý của Nhà nước, việc sắp xếp thôn, bản phải đặt dưới sự chỉ đạo xuyên suốt, đồng bộ từ cấp trên đến cơ sở.

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, gắn với định hướng xây dựng nông thôn mới và tổ chức lại không gian dân cư hợp lý.

- Tôn trọng yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm quyền lợi chính đáng, tạo sự đồng thuận, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

- Bảo đảm tính ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, không gây xáo trộn lớn đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

III. MỤC TIÊU

- Sắp xếp thôn, bản theo hướng tinh gọn, hiệu quả, khắc phục tình trạng manh mún, quy mô nhỏ lẻ, không đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy quản lý và tinh giản biên chế.

- Tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, tập trung phát triển hạ tầng, dịch vụ công, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

- Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cộng đồng dân cư vững mạnh, phát huy vai trò tự quản ở cơ sở.

- Đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, hiện đại hóa nông thôn và hội nhập phát triển.

Phần thứ III:**HIỆN TRẠNG CÁC THÔN, BẢN TRƯỚC KHI SẮP XẾP****1. Số hộ, số khẩu, diện tích tự nhiên**

Xã Quỳnh Châu hiện có 30 thôn, bản; có diện tích tự nhiên: 327,521 km², có 5385 hộ và 22.950 khẩu, trong đó:

Số lượng thôn, bản chưa đạt tiêu chí theo quy định (*từ 350 hộ trở lên*) tại Nghị định 185/NĐ-CP: 30 thôn, bản, cụ thể như sau:

TT	Tên thôn, bản	Số hộ	Số nhân khẩu (Thường trú)		Diện tích tự nhiên (Km ²)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Người DTTS		
1	Thôn 1	204	795	298	0,15	
2	Thôn 2	198	816	33	0,9	
3	Thôn 3	212	787	195	0,2	
4	Thôn 4	179	683	285	0,32	
5	Thôn Tân Hương	217	810	102	2,82	
6	Thôn Hoa Hải	241	1006	231	1,09	
7	Bản Hạnh Tiến	148	541	53	6,92	
8	Bản Tà Lạnh	113	467	266	6,68	
9	Bản Minh Tiến	165	732	659	6,86	
10	Bản Minh Châu	75	369	353	14,58	
11	Bản Đồng Minh	184	821	796	13,58	
12	Bản Kê Bọn	242	1025	915	13,57	
13	Bản Na Xén	151	719	716	9,76	
14	Bản Tà Sỏi	245	1104	1052	20,06	
15	Bản Thuận Lập	125	608	596	10,13	
16	Bản Định Tiến	221	973	946	10,09	
17	Bản Kê Ninh	200	918	887	9,99	
18	Bản Lâm Hội	249	964	64	3,28	
19	Bản Việt Hương	169	627	74	8,42	
20	Bản Khứm	198	860	818	7,91	
21	Bản Hội 1	171	766	552	6,43	
22	Bản Hội 2	162	743	719	5,58	
23	Bản Hội 3	102	475	431	10,09	
24	Bản Lè	197	966	957	5,61	

25	Bản Khun	224	1003	856	17,49	
26	Bản Tản	140	674	650	13,93	
27	Bản Xón	94	432	417	20,16	
28	Bản Na Pù	191	772	748	34,32	
29	Bản Poọng	178	711	686	33,69	
30	Bản Mùn	190	783	838	33,05	
	TỔNG	5.385	22.950	16.193	327,521	

2. Về người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản

Tổng số người hoạt động không chuyên trách hiện có: 87 người (*Bí thư Chi bộ: 28 người; Bí thư Chi bộ đồng thời kiêm Trưởng bản: 02 người; Trưởng, thôn bản: 28 người, Trưởng ban Công tác mặt trận: 29 người*).

Cụ thể:

TT	Thôn, bản	Số người hoạt động không chuyên trách	Số Đảng viên chi bộ	Thành viên BCT Mặt trận	Hội viên Chi hội PN	Hội viên chi hội CCB	Hội viên chi hội ND	Đoàn viên chi đoàn TN
1	Thôn 1	3	58	9	78	44	54	27
2	Thôn 2	2	25	11	75	35	40	18
3	Thôn 3	3	74	9	89	41	25	21
4	Thôn 4	3	89	10	77	38	17	12
5	Thôn Tân Hương	3	27	8	78	31	32	11
6	Thôn Hoa Hải	3	24	9	92	30	71	5
7	Bản Hạnh Tiến	3	10	9	73	16	40	7
8	Bản Tà Lạnh	3	35	9	78	21	38	3
9	Bản Minh Tiến	3	42	7	76	33	70	5
10	Bản Minh Châu	3	27	9	71	26	64	6
11	Bản Đồng Minh	3	65	10	85	40	105	5
12	Bản Kẽ Bọn	3	70	11	118	38	125	45
13	Bản Na Xén	3	20	9	86	16	96	26
14	Bản Tà Sỏi	3	21	9	82	24	102	19
15	Bản Thuận Lập	3	12	7	99	16	66	8
16	Bản Định Tiến	3	11	9	99	17	106	14
17	Bản Kẽ Ninh	3	18	11	117	12	130	42
18	Bản Lâm Hội	2	54	11	112	34	59	34
19	Bản Việt Hương	3	16	7	171	20	92	13
20	Bản Khúm	3	23	7	106	24	132	26
21	Bản Hội 1	3	35	9	106	25	121	24

22	Bản Hội 2	3	24	7	103	19	129	38
23	Bản Hội 3	3	26	9	84	24	94	14
24	Bản Lê	3	47	7	138	36	140	27
25	Bản Khun	3	26	11	159	46	115	36
26	Bản Tần	3	23	9	123	14	111	26
27	Bản Xón	3	9	5	105	18	79	11
28	Bản Na Pù	3	28	10	103	20	124	33
29	Bản Poọng	3	37	9	108	24	71	23
30	Bản Mùn	2	12	9	112	16	82	41
	TỔNG	87	1.745	266	3.003	798	2.530	620

3. Về nhà văn hóa, tài sản công, thiết chế văn hóa

- Tổng số nhà văn hóa hiện nay đang sử dụng trên toàn xã là 30 nhà văn hóa, trong đó chưa đạt chuẩn 06 nhà văn hóa, tỷ lệ 20%; nhà văn hóa đạt chuẩn 24 nhà văn hóa, tỷ lệ 80%;

- Số nhà văn hóa hiện nay đang dôi dư (*không sử dụng*): 29 nhà văn hóa.

- Có 20 thôn, bản có khu thể thao đạt chuẩn, tỷ lệ 66,6%, 10 thôn, bản chưa có khu thể thao (*hoặc có nhưng chưa đạt chuẩn*), tỷ lệ 33,4%.

- Các thôn bản có thiết chế văn hóa và khai thác, sử dụng cơ bản hiệu quả; nhiều thôn, bản đã làm tốt công tác huy động xã hội hóa để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị như bản Lâm Hội, Việt Hương,

Cụ thể như sau:

T T	Thôn, bản	Nhà văn hoá				Khu thể thao				
		Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Diện tích nhà văn hoá (m ²)	Giá trị đến thời điểm hiện tại (tỷ đồng)	Chưa có	Có nhưng chưa đạt chuẩn	Có và đạt chuẩn theo quy định	Diện tích khu thể thao (m ²)	Ghi chú
1	Thôn 1		x	96	0,33702		x		170	
2	Thôn 2		x	96	0,33702			x	358	
3	Thôn 3		x	120	0,684564			x	400	
4	Thôn 4		x	96	0,578827		x		170	
5	Tân Hương		x	96	0,578827			x	263	
6	Hoa Hải		x	72	0,36025			x	150	
7	Hạnh Tiến		x	220	1,681			x	530	
8	Tà Lạnh		x	96	0,684564	x				
9	Minh Tiến		x	270	1,4			x	2243	
10	Minh Châu	x	x	72	0,216	x				

11	Đồng Minh		x	72	0,216			x	1494,2	
12	Kẻ Bọn		x	270	1,4			x	2413,5	
13	Na Xén	x		72	0,216	x				
14	Tà Sỏi		x	270	1,681			x	2110,5	
15	Thuận Lập		x	140	1,681			x	1887,3	
16	Định Tiến		x	120	0,84326			x	384,7	
17	Kẻ Ninh		x	78	0,216			x	576,1	
18	Lâm Hội		x	270	1,486			x	1900	
19	Việt Hương		x	270	1,486			x	380	
20	Bản Khứm		x	270	1,403			x	320	
21	Bản Hội 1		x	120	1,063			x	6545,3	
22	Bản Hội 2	x		270	1,486			x	360	
23	Bản Hội 3		x	72	0,216	x				
24	Bản Lè		x	290	0,216			x	1500	
25	Bản Khun		x	270	1,487			x	320	
26	Bản Tẩn	x		72	0,216	x				
27	Bản Xón	x		72	0,216	x				
28	Bản Na Pù		x	270	1,681			x	380	
29	Bản Poọng	x		270	0,360	x				
30	Bản Mưn		x	270	1,063.54		x		170	
	TỔNG	6	24			7	3	20		

Phần thứ IV:

PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC SẮP XẾP THÔN, BẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUỲ CHÂU NĂM 2026

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, HÌNH THÀNH BẢN MỚI

Phương án sắp xếp các thôn, bản trên địa bàn xã Quỳnh Châu được dựa trên tiêu chí quy định về số hộ dân (từ 350 hộ trở lên) và các đặc điểm về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân trên địa bàn xã để bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

Trên cơ sở 30 thôn, bản hiện có, UBND xã Quỳnh Châu xây dựng phương án sắp xếp thành 12 thôn, bản mới, cụ thể như sau:

1. Phương án chi tiết sắp xếp các thôn, bản cũ để hình thành thôn, bản mới

1.1. Sáp nhập toàn bộ Thôn 1 (204 hộ, 795 người, diện tích: 0,237 km²) và Thôn 2 (198 hộ, 816 người, diện tích: 0,688 km²) và thôn 3 (212 hộ, 787 người, diện tích: 0,267 km²) để thành lập thôn mới lấy tên thôn Tân Lạc.

- Lý do sắp xếp: Các thôn ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi thôn Tân Lạc gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Tân Lạc cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Thôn 3 cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Thôn 2 cũ.

- Sau khi sắp xếp, thôn Tân Lạc có 614 hộ, 2.398 người, diện tích: 1,459 km² (ngoài diện tích của 03 thôn nêu trên, thôn Tân Lạc mới được mở rộng thêm diện tích 0,055 km² từ bản Kẻ Bọn cũ và 0,212 km² của bản Đồng Minh cũ).

1.2. Sáp nhập toàn bộ thôn 4 (179 hộ, 683 người, diện tích: 0,32 km²) và bản Hạnh Tiến (148 hộ, 541 người, diện tích: 0,191 km²) và bản Tà Lạnh (113 hộ, 467 người, diện tích: 6,68 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Châu Hạnh.

- Lý do sắp xếp: Các thôn, bản ở liền kề nhau, có giao thoa về văn hóa bản địa để hướng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, kết nối giao thông thuận lợi dọc 2 bên tuyến đường quốc lộ 48 từ Thôn 4 cũ đến hết bản Hạnh Tiến.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Châu Hạnh có từ lâu, là một vùng đất cổ có bề dày lịch sử và văn hóa lâu đời gắn liền với sự phát triển của đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây xứ Nghệ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Hạnh Tiến cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Hạnh Tiến cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Châu Hạnh có 440 hộ, 1.691 người, diện tích: 7,241 km² (ngoài diện tích 3 bản nêu trên, bản Châu Hạnh mới được mở rộng thêm phần diện tích 0,0503 km² từ bản Lâm Hội cũ).

1.3. Sáp nhập toàn bộ thôn Tân Hương (217 hộ, 810 người, diện tích: 2,82 km²) và bản Tà Sỏi (245 hộ, 1.104 người, diện tích: 20,06 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Tân Hương.

- Lý do sắp xếp: Các thôn, bản ở liền kề nhau, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Tân Hương gắn với ý nghĩa hình thành bản Tân Hương hiện nay, ý chỉ sự tươi mới, tốt đẹp trong tương lai.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Tà Sỏi cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Thôn Tân Hương cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Tân Hương có 462 hộ, 1.914 người, diện tích: 30,491 km² (ngoài diện tích của 02 nêu trên, bản Tân Hương mới được mở rộng thêm diện tích 6,804 km² từ bản Kẻ Bọn cũ, 0,647km² từ bản Thuận Lập cũ và 0,16 km² từ xã Châu Tiến sau khi điều chỉnh theo bản đồ 513 tại thời tháng 6/2026).

1.4. Sáp nhập toàn bộ thôn Hoa Hải (241 hộ, 1.006 người, diện tích: 1,09 km²) và bản Thuận Lập (125 hộ, 608 người, diện tích: 10,445 km²) để hình thành bản mới lấy tên là bản Hoa Hải.

- Lý do sắp xếp: Các thôn, bản ở liền kề nhau, kết nối giao thông thuận lợi, cùng tuyến.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi Bản Hoa Hải gắn với ý nghĩa hình thành bản Hoa Hải trước đây. Từ những năm 1963 thực hiện theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, người dân ở miền xuôi (Diễn Châu) đã di dân lên miền núi để xây dựng vùng kinh tế mới; từ đó đến nay Quỳnh Châu là quê hương thứ 2 của họ. Mặt khác tên gọi Hoa Hải mang ý nghĩa về hình ảnh một vùng đất trù phú, nơi sắc hoa hòa quyện cùng cảnh quan rộng lớn, mang ý nghĩa cầu chúc cho sự sinh sôi, tươi tốt.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Hoa Hải cũ

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Nhà văn hóa bản Thuận Lập cũ

- Sau khi sắp xếp, bản Hoa Hải có 366 hộ, 1.614 người, diện tích: 11,535 km².

1.5. Sáp nhập toàn bộ bản Minh Châu (75 hộ, 369 người, diện tích: 14,58 km²) và bản Minh Tiến (165 hộ, 732 người, diện tích: 6,704 km²) và bản Đồng Minh (184 hộ, 821 người, diện tích: 6,54 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Đồng Minh.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau trong cụm vùng, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Đồng Minh gắn với truyền thống văn hóa, lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất cổ có tên là Mường Miếng hay bản Cánh. Tên gọi "Đồng Minh" đã được xuất hiện trong thời kỳ xây dựng hợp tác xã, mang ý nghĩa tinh thần đoàn kết của cộng đồng người dân tộc Thái.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Minh Tiến cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Minh Tiến cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Đồng Minh có 424 hộ, 1922 người, diện tích: 27,842 km² (ngoài diện tích 3 bản nêu trên, bản Đồng Minh mới được mở rộng thêm phần diện tích 0,018 km² từ xã Hùng Chân sau khi điều chỉnh địa giới hành chính từ bản đồ 533 tại thời điểm tháng 6/2026).

1.6. Sáp nhập toàn bộ bản Kẻ Bọn (242 hộ, 1.025 người, diện tích: 6,771 km²) và bản Na Xén (151 hộ, 719 người, diện tích: 9,76 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Kẻ Bọn.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Kẻ Bọn gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Kẻ Bọn cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Kẻ Bọn cũ

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Kẻ Bọn cũ

- Sau khi sắp xếp, bản Kẻ Bọn có 393 hộ, 1.744 người, diện tích: 21,538 km² (ngoài diện tích của 02 bản nêu trên, bản Kẻ Bọn mới được mở rộng thêm phần diện tích 4,928 km² từ bản Đồng Minh cũ và 0,079 km² từ xã Hùng Chân sau khi điều chỉnh theo bản đồ mới 533 tại thời điểm tháng 6/2026).

1.7. Sáp nhập toàn bộ bản Kẻ Ninh (200 hộ, 918 người, diện tích: 10.852 km²) và bản Định Tiến (221 hộ, 973 người, diện tích: 10,049 km²) để hình thành bản mới lấy tên là bản Kẻ Ninh.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi và cùng tuyến.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Kẻ Ninh gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Kẻ Ninh cũ (trước đây Định Tiến được tách ra từ Kẻ Ninh).

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Định Tiến

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Định Tiến

- Sau khi sắp xếp, bản Kẻ Ninh có 421 hộ, 1.891 người, diện tích: 27,643 km² (ngoài diện tích của 02 bản nêu trên, bản Kẻ Ninh mới được mở rộng thêm diện tích 6,713 km² từ bản Hạnh Tiến cũ, 0,0178 km² từ bản Xón cũ và 0,0112 km² từ xã Châu Tiến theo điều chỉnh địa giới từ bản đồ số 533 thời điểm tháng 6/2026).

1.8. Sáp nhập toàn bộ bản Việt Hương (169 hộ, 627 người, diện tích: 4.364 km²) và bản Khứm (198 hộ, 860 người, diện tích: 7,91 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Hội Hương.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề giáp ranh với nhau, kết nối giao thông cơ bản thuận lợi, có điều kiện để giao thoa văn hóa hướng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; từ nhiều năm nay, con cháu người dân ở bản Khứm đã theo học tại điểm trường bản Việt Hương.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Hội Hương gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Châu Hội cũ trong đó có bản Khứm và bản Việt Hương; Tên bản “Hội Hương” mang ý nghĩa gắn kết địa bàn hành chính, tạo sự tự hào, hài hòa chung cho người dân trong cụm vùng 2 bản cũ.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Việt Hương cũ.
- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Việt Hương cũ.
- Sau khi sắp xếp, bản Hội Hương có 367 hộ, 1.487 người, diện tích: 12,296 km² (ngoài diện tích 2 bản nêu trên, bản Hội Hương mới được mở rộng diện tích 0,022 km² từ xã Châu Bình sau khi điều chỉnh địa giới tại tờ bản đồ số 533 thời điểm tháng 6/2026).

1.9. Sáp nhập toàn bộ bản Lâm Hội (249 hộ, 964 người, diện tích: 3,228 km²) và bản Hội 1 (171 hộ, 766 người, diện tích: 4,718 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Châu Hội.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.
- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Châu Hội gắn với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất Châu Hội (xã Châu Hội cũ).
- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Lâm Hội cũ.
- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Hội 1 cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Châu Hội có 420 hộ, 1730 người, diện tích: 12,706 km² (ngoài diện tích của 03 bản nêu trên, bản Châu Hội mới được mở rộng thêm diện tích 4,056 km² từ bản Việt Hương cũ và 0,057 km² từ xã Châu Bình sau khi điều chỉnh địa giới tại tờ bản đồ số 355 tại thời điểm tháng 6/2026).

1.10. Sáp nhập toàn bộ bản Tẩn (140 hộ, 674 người, diện tích: 17,782 km²) và bản Hội 3 (102 hộ, 475 người, diện tích: 10,09 km²) và bản Hội 2 (162 hộ, 743 người, diện tích: 5,580 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Gia Hội.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.
- Lý do đặt tên gọi: Bản Gia Hội có nguồn gốc gắn liền với quá trình khai hoang, định cư lâu đời của đồng bào dân tộc Thái. Trên cơ sở sau khi xem xét ý kiến Nhân dân cho thấy tên gọi Gia Hội là vùng đất cổ có bề dày lịch sử và văn hóa lâu đời của đồng bào dân tộc Thái (thuộc tổng Đồng Lạc xưa); là căn cứ địa trong phong trào Cần Vương, quê hương của Đốc binh Lang Văn Thiết.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Hội 2 cũ
- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Hội 2 cũ
- Sau khi sắp xếp, bản Gia Hội có 404 hộ, 1.892 người, diện tích: 35,187 km² (ngoài diện tích của 03 bản nêu trên, bản Gia Hội mới được mở rộng thêm diện tích 1,712 km² từ bản Hội 1 cũ và 0,023 km² từ bản Mụn cũ).

1.11. Sáp nhập toàn bộ bản Khun (224 hộ, 1.003 người, diện tích: 17,49 km²) và bản Lè (197 hộ, 966 người, diện tích: 5,61 km²) và bản Xón (94 hộ, 432 người, diện tích: 16,294km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Tân Hội.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau cùng tuyến, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi, có 02 tuyến đường liên thông từ bản Xón ra bản Khun, bản Lè.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi bản Tân Hội có ý nghĩa lưu giữ lại được nguồn gốc cốt lõi, gợi nhớ về vùng đất Châu Hội cũ với nhiều truyền thống văn hóa, lịch sử. Khi kết hợp lại thành “Tân Hội” thể hiện sự gắn kết cộng đồng, chung sức đồng lòng của nhân dân từ 3 bản cũ cùng bước sang một thời kỳ phát triển mới, tạo một dấu mốc lịch sử phát triển tốt đẹp hơn cho cộng đồng dân cư sau khi sáp nhập.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Khun cũ.

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Khun cũ.

- Sau khi sắp xếp, bản Khun có 515 hộ, 2.401 người, diện tích: 39,447km² (ngoài diện tích 3 bản nêu trên, bản Tân Hội mới được mở rộng thêm phần diện tích 0,041 km² từ bản Định Tiến cũ và 0,012 km² từ bản Tăn cũ).

1.12. Sáp nhập toàn bộ bản Mùn (190 hộ, 783 người, diện tích: 33,015km²) và bản Na Pù (191 hộ, 772 người, diện tích: 34,321 km²) và bản Poọng (178 hộ, 711 người, diện tích: 33,695 km²) để thành lập bản mới lấy tên là bản Châu Nga.

- Lý do sắp xếp: Các bản ở liền kề nhau trong cùng một vùng; vùng dân cư tập trung không quá rộng, 3 bản sát liền kề, cùng chung phong tục tập quán, kết nối giao thông thuận lợi.

- Lý do đặt tên gọi: Tên gọi Bản Châu Nga gắn với tên xã Châu Nga cũ, cùng với truyền thống, lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất cũ Châu Nga.

- Vị trí đặt nhà văn hóa của bản mới: Bản Na Pù cũ

- Vị trí đặt khu thể thao của bản mới: Bản Na Pù cũ

- Sau khi sắp xếp, bản Châu Nga có 559 hộ, 2.266 người, diện tích: 101,031 km².

2. Thống nhất phương án sắp xếp thôn, bản

Sau khi tiến hành các bước lấy ý kiến Nhân dân, bổ sung, điều chỉnh và giải trình Nhân dân các vấn đề có liên quan, UBND xã Quỳnh Châu đã thực hiện quy trình xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy xã, Ban chấp hành Đảng bộ xã; tổng thể sắp xếp thôn, bản trên địa bàn xã Quỳnh Châu như sau:

- Thống nhất loại hình dân cư trong toàn xã: 01 thôn và 11 bản

- Tổng số thôn, bản sau sắp xếp: 12

TT	Tên bản sau sắp xếp	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (km ²)	Ghi chú
1	Thôn Tân Lạc	614	2.398	1,459	
2	Bản Châu Hạnh	440	1.691	7,241	

3	Bản Tân Hương	462	1.914	30,491	
4	Bản Hoa Hải	366	1.614	11,535	
5	Bản Đồng Minh	424	1.922	27,842	
6	Bản Kẻ Bọn	393	1.744	21,538	
7	Bản Kẻ Ninh	421	1.891	27,643	
8	Bản Hội Hương	367	1.487	12,296	
9	Bản Châu Hội	420	1.730	12,059	
10	Bản Gia Hội	404	1.892	35,187	
11	Bản Tân Hội	515	2.401	39,447	
12	Bản Châu Nga	559	2.266	101,031	
Tổng cộng		5385	22.950	327,769	

(Lưu ý: Hiện trạng diện tích có thay đổi do thay đổi địa giới hành chính từ tờ bản đồ số 335 tại thời điểm lập quy hoạch xã tháng 6/2026)

II. PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ

1. Chức danh, số lượng, tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn, bản:

1.1. Về chức danh, số lượng

a. Chức danh người hoạt động không chuyên trách: gồm 3 chức danh, bố trí tối đa không quá 3 người, gồm: (1) Bí thư Chi bộ; (2) Trưởng bản; (3) Trưởng ban công tác mặt trận bản.

b. Các chức danh khác ở khối xóm bao gồm: Thôn, tổ đội trưởng (*đang bố trí theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ*); (2) Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng các Chi hội (*Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Nhân viên y tế thôn, bản kiêm nhiệm công tác dân số và cộng tác viên dân số và các chức danh khác nếu có theo quy định của pháp luật*): Thực hiện theo tiêu chí hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về số lượng và tiêu chuẩn.

1.2. Về tiêu chuẩn

Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan và hướng dẫn của cơ quan ngành dọc cấp trên có thẩm quyền.

Riêng đối với chức danh Trưởng thôn, bản: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Nghị định 185/NĐ-CP. Đồng thời để phù hợp với yêu cầu nâng cao quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân thì ưu tiên lựa chọn Trưởng bản là người có trình độ học vấn tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên; có uy tín trong cộng đồng dân cư, có kinh nghiệm và phương pháp vận động Nhân dân, triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, ...

Trong quá trình sắp xếp, cấp có thẩm quyền xem xét định hướng cơ cấu nhân sự; sắp xếp lại đội ngũ cán bộ không chuyên trách hiện có tại các thôn,

bản trước sắp xếp để tiếp tục bố trí nhân sự các bản sau sắp xếp phù hợp, có chất lượng theo hướng dẫn của các cấp. Trong trường hợp không đủ nhân sự theo tiêu chuẩn quy định và xem xét sự cần thiết cơ cấu nâng cao chất lượng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản thì xem xét cơ cấu mới (*nhân sự mới*) để nâng cao chất lượng hoạt động thôn, bản nhằm phục vụ Nhân dân nhưng vẫn phải thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Về chính sách hỗ trợ nghỉ việc do sắp xếp thôn, bản

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế; trường hợp vượt quá số lượng dôi dư thì thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

III. BỐ TRÍ NHÀ VĂN HÓA, KHU THỂ THAO VÀ TÀI SẢN CÔNG

1. Nhà văn hóa

Tổng số nhà văn hóa hiện có tiếp tục sử dụng bố trí sinh hoạt cho các bản mới hình thành: 30 nhà văn hóa, trong đó:

- Có diện tích từ 270m² trở lên tạm thời đáp ứng sinh hoạt cho bản mới hình thành: 08 nhà văn hóa.

- Có diện tích dưới 270m² không đáp ứng sinh hoạt cho bản mới hình thành: 04 nhà văn hóa (*thôn Tân Lạc, Bản Hoa Hải, Bản Kẽ Nính, Bản Châu Hạnh*).

Sau khi sắp xếp lại thôn, bản việc tổ chức sinh hoạt của bản mới được bố trí linh hoạt, phù hợp với điều kiện trước mắt; khuyến khích duy trì tổ chức theo từng cụm dân cư (bản cũ) và tiếp tục sử dụng nhà văn hóa tại các bản cũ để làm nơi hội họp, sinh hoạt chung.

2. Khu thể thao và tài sản công

- Tài sản công hiện có tại các nhà văn hóa trước sắp xếp tiếp tục được sử dụng phục vụ cho cụm dân cư (bản cũ) và trung tâm văn hóa của bản mới hình thành; tài sản thuộc bản nào thì giao cho bản đó tiếp tục quản lý, điều tiết theo cụm dân cư và sử dụng;

- Khu thể thao:

+ Khu thể thao được bố trí tiếp tục sử dụng trong cùng một khuôn viên với nhà văn hóa dự kiến làm nơi sinh hoạt của các bản mới hình thành (hiện nay): 08 bản

+ Khu thể thao dự kiến bố trí ngoài khuôn viên với nhà văn hóa: 04 bản
Cụ thể như sau:

TT	Tên thôn, bản sau sắp xếp	Số hộ dân	Sử dụng nhà văn hoá hiện có tại các bản hiện	Sử dụng khu thể thao hiện có tại các bản hiện	Ghi chú (Diện tích nhà văn hóa)
----	---------------------------	-----------	--	---	------------------------------------

			nay	nay	
1	Thôn Tân Lạc	614	Thôn 3	Thôn 2	DT: 120m ² ; có quỹ đất để mở rộng
2	Bản Châu Hạnh	456	Hạnh Tiến	Hạnh Tiến	DT: 220m ² ; có quỹ đất tích đất để mở rộng
3	Bản Đồng Minh	408	Minh Tiến	Minh Tiến	DT: 270m ²
4	Bản Kẽ Bọn	393	Kẽ Bọn	Kẽ Bọn	DT: 270m ² ; có quỹ đất để mở rộng
5	Bản Tân Hương	462	Tà Sỏi	Tân Hương	DT: 270m ² ; có quỹ đất để mở rộng
6	Bản Hoa Hải	366	Hoa Hải	(chưa có) Tạm thời sử dụng điểm Thuận Lập	DT: 140m ² , xây mới năm 2024, không có quỹ đất để mở rộng. - P/a: xây mới tại Định Hoa (cũ), DT 2.061,1m ² .
7	Bản Kẽ Ninh	421	Định Tiến	(chưa có) Tạm thời sử dụng điểm Định Tiến	DT: 120m ² (mới nâng cấp mở rộng)
8	Bản Hội Hương	367	Việt Hương	Việt Hương	DT: 270m ² ; có quỹ đất để mở rộng
9	Bản Châu Hội	434	Lâm Hội	Lâm Hội và Hội 1	DT: 270m ² ; có quỹ đất để mở rộng
10	Bản Gia Hội	390	Bản Hội 2	Bản Hội 2	DT: 270m ² ; có quỹ đất để mở rộng
11	Bản Tân Hội	515	Khun	Khun	- Bản Khun: DT 270, có quỹ đất để mở rộng. - Bản Lè: DT: 290m ² ; đang xây dựng theo mẫu nhà sàn.
12	Bản Châu Nga	559	Bản Na Pù	Bản Na pù, và bản Mùn	- DT 270, có quỹ đất để mở rộng.
Tổng cộng		5385			

Phần thứ IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Ủy ban nhân dân xã

- Cơ quan Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm xây dựng Đề án sắp xếp thôn, bản trên địa bàn xã Quý Châu trên cơ sở Phương án số 448/PA-UBND tỉnh; thực hiện quy trình theo quy định của pháp luật báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến thông qua Đề án và ban hành Đề án chính thức.

- Chỉ đạo các Phòng chuyên môn kịp thời hướng dẫn các bản sau sắp xếp

về công tác quản lý, tiếp nhận, bàn giao, sắp xếp cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, tài sản công để khai thác, sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát tài sản Nhà nước; tham mưu quy trình nhân sự và giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

Chủ trì, tham mưu cho UBND xã trong việc rà soát nhà văn hóa dôi dư sau sắp xếp, công tác quản lý, khai thác và sắp xếp tài sản công tại các thôn, bản trước và sau sắp xếp đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã quy trình hồ sơ trình Hội đồng nhân dân xã Quỳnh Châu để xem xét, thông qua và quyết định việc sắp xếp thôn, bản trên địa bàn xã Quỳnh Châu.

Phối hợp các ban, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức công tác nhân sự tại các bản sau sắp xếp và chế độ chính sách chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư do quá trình sắp xếp đúng theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Đề án của UBND xã Quỳnh Châu về sắp xếp các thôn, bản trên địa bàn xã Quỳnh Châu năm 2026./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH (để p/h);
- Ban XD Đảng, UBKT Đảng ủy;
- Ban VH-XH HĐND xã;
- Thành viên BCD theo QĐ 966/QĐ-UNND;
- Các phòng, cơ quan đơn vị trên địa bàn xã;
- BQL 30 thôn, bản (để t/h);
- Trung tâm cung ứng DVC xã (để đưa tin);
- Lưu: VT, VHXX (Phong).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dũng